

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch “Phát triển ngành công nghiệp cơ khí chế tạo trên  
địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2771/TTr-SCT ngày 11/12/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch Phát triển ngành công nghiệp cơ khí chế tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, có tính đến năm 2025, với nội dung chính như sau:

**I. Quan điểm phát triển**

1. Phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo đóng vai trò ngành công nghiệp mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, tạo ra sự phát triển cân đối và bền vững của các ngành kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của Đồng Nai sớm đạt được mục tiêu trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Phát triển ngành cơ khí đủ sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Chính sách phát triển ngành cơ khí áp dụng bình

đẳng cho mọi thành phần kinh tế, phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế. Khuyến khích sự phân công và hợp tác giữa các thành phần kinh tế. Thu hút đầu tư phát triển ngành cơ khí phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp Đồng Nai và quy hoạch phát triển cơ khí của vùng và cả nước.

3. Khai thác nguồn lực của tỉnh kết hợp với huy động nguồn lực bên ngoài để phát triển mạnh ngành cơ khí chế tạo của tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp cơ khí chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa vào công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng nội tại, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ làm khâu đột phá tạo ra giá trị gia tăng nội tại, ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sạch. Thu hút đầu tư và khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đạt chất lượng quốc tế, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

## **II. Mục tiêu**

### **1. Mục tiêu chung**

a) Phát huy tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, phát triển ngành cơ khí với quy mô ngày càng tăng trong cơ cấu ngành công nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản phẩm cơ khí cho các ngành kinh tế, tiêu dùng và xuất khẩu. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành cơ khí chế tạo theo định hướng phát triển các sản phẩm cơ khí có giá trị gia tăng cao, tăng dần giá trị gia tăng trong hoạt động chế tạo, định hướng vào thiết kế, xây dựng thương hiệu, nghiên cứu và sáng chế.

b) Phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp cơ khí cả về số lượng và chất lượng; hình thành một số doanh nghiệp cơ khí quy mô lớn đóng vai trò trung tâm liên kết các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, phát triển mạnh các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao tỷ lệ sản xuất trong nước của ngành cơ khí trên địa bàn tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1 Số lượng doanh nghiệp cơ khí**

- Số lượng doanh nghiệp ngành cơ khí đến năm 2020 là 1.313 DN, tăng bình quân 11,4% trong giai đoạn 2013-2020; đến năm 2025 là 2.157 DN, tăng bình quân 10,4% trong giai đoạn 2021-2025. Tăng bình quân giai đoạn 2013-2025 là 11,1%. Trong đó:

- Doanh nghiệp trong nước đến năm 2020 là 728 DN, tăng bình quân 11% trong giai đoạn 2013-2020; đến năm 2025 là 1.173 DN, tăng bình quân 10% trong giai đoạn 2021-2025. Tăng bình quân giai đoạn 2013-2025 là 10,6%.

- Doanh nghiệp FDI đến năm 2020 là 584 DN, tăng bình quân 12% trong giai đoạn 2013-2020; đến năm 2025 là 985 DN, tăng bình quân 11% trong giai đoạn 2021-2025. Tăng bình quân giai đoạn 2013-2025 là 11,6%.

## **2.2. Giá trị sản xuất công nghiệp**

### **a) Mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (GO)**

Giai đoạn 2013-2025: GO tăng bình quân 20,15%/năm; trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng bình quân 8,5%/năm, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng bình quân 19,5%/năm và khu vực FDI tăng bình quân 21%/năm.

Giai đoạn 2013-2020: GO tăng bình quân 20,73%/năm; trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng bình quân 8,77%/năm, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng bình quân 19,91%/năm và khu vực FDI tăng bình quân 21,81%/năm.

Giai đoạn 2021-2025: GO tăng bình quân 19,23%/năm; trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng bình quân 8,07%/năm, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng bình quân 18,84%/năm và khu vực FDI tăng bình quân 19,71%/năm.

### **b) Chuyển dịch cơ cấu:**

Khu vực doanh nghiệp Nhà nước do thực hiện cổ phần hóa nên sẽ giảm dần trong cơ cấu GO của ngành cơ khí: năm 2102 chiếm 9,11%, đến năm 2020 là 3,95% và năm 2025 là 2,42%.

Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước sẽ giảm nhẹ trong cơ cấu GO của ngành cơ khí: năm 2102 chiếm 12,21%, đến năm 2020 là 11,57% và năm 2025 là 11,38%.

Khu vực doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng ngành càng tăng trong cơ cấu GO của ngành cơ khí: năm 2102 chiếm 78,68%, đến năm 2020 là 84,48% và năm 2025 là 86,20%.

## **2.3 Tỷ lệ giá trị gia tăng trên giá trị sản xuất công nghiệp (VA/GO)**

Nâng cao tỷ lệ VA/GO của ngành cơ khí đến năm 2015 đạt 28%; đến năm 2020 đạt 30% và đến năm 2025 đạt 33%.

## **III. Định hướng phát triển**

Phát triển ngành cơ khí Đồng Nai với tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân cao hơn bình quân của ngành công nghiệp. Định hướng chung phát triển các ngành, lĩnh vực đến năm 2020 như sau:

- Khoa học và công nghệ: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ chế tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực cơ khí chế tạo nhằm đạt trình độ công nghệ trung bình tiên tiến của khu vực, tạo ra nhiều sản phẩm cơ khí có khả năng cạnh tranh cao. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực chế tạo cơ khí, nhất là những khâu tạo phôi (đúc phôi, rèn dập, hàn kỹ thuật cao...), gia công cơ khí chính xác cao, xử lý bề mặt, công nghiệp hỗ trợ và các dây chuyền lắp ráp quy mô lớn.

- Nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cơ khí trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật lành nghề; tăng cường liên kết, hợp tác với các trường đại học trong vùng nhằm đào tạo đội ngũ kỹ sư có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp cơ khí; đưa đội ngũ kỹ sư đi đào tạo ở nước ngoài nhằm cập nhật công nghệ mới nhất trong ngành cơ khí trên thế giới.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Phát triển công nghiệp hỗ trợ làm khâu đột phá để phát triển nhanh và bền vững ngành cơ khí trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tập trung phát triển CNHT cho các ngành công nghiệp ô tô, xe máy, chế tạo máy động lực và máy nông nghiệp, thiết bị điện. Phát triển mạnh các ngành CNHT trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo nền tảng nâng cao sức cạnh tranh của ngành cơ khí Đồng Nai.

- Phát triển doanh nghiệp cơ khí: Coi trọng phát triển doanh nghiệp cơ khí quy mô lớn, vừa và nhỏ. Khai thác tiềm năng và huy động mọi thành phần kinh tế tham gia vào việc đầu tư phát triển ngành cơ khí. Quan tâm đặc biệt đến kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng nhu cầu về vốn và công nghệ mới. Tiếp tục phát huy thế mạnh của lực lượng doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước nâng cao trình độ công nghệ, tổ chức sản xuất và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Định hướng về thị trường: Tập trung phát triển thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế, nhất các ngành công nghiệp và xây dựng, nông nghiệp và cơ khí gia dụng; đồng thời mở rộng thị trường cho các sản phẩm cơ khí xuất khẩu hiện có. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động liên kết, liên doanh, trở thành các nhà cung cấp linh kiện phụ tùng cho các công ty đa quốc gia.

- Định hướng về không gian:

Đối với các dự án đầu tư cơ khí mới sẽ tập trung vào các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Đối với các cơ sở sản xuất cơ khí nhỏ ít gây ô nhiễm môi trường có thể bố trí ở những khu vực có điều kiện cơ sở hạ tầng thích hợp bên ngoài các khu cụm công nghiệp.

Phân bố công nghiệp cơ khí theo mô hình công nghệ nhiều tầng ở 02 khu vực không gian: Khu vực I gồm Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch và Trảng Bom và Khu vực II là các địa phương còn lại. Khu vực I: phân bố công nghiệp cơ khí chế tạo ở trình độ công nghệ tầng cao, tập trung đầu tư chiều sâu, phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, cơ khí chính xác phục vụ cho lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh; Khu vực II: phân bố công nghiệp cơ khí chế tạo ở trình độ công nghệ tầng giữa và tầng dưới, phát triển ngành công nghiệp cơ khí với trình độ công nghệ từng bước chuyển dịch từ thấp đến cao.

- Định hướng về bảo vệ môi trường: Lấy phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm môi trường là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý triệt để ô nhiễm môi trường; Khuyến khích các cơ sở sản xuất cơ khí đầu tư đổi mới máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu chất thải, thực hiện sản xuất sạch hơn trong ngành cơ khí chế tạo.

#### **IV. Quy hoạch phát triển các ngành cơ khí cấp II**

##### **1. Mục tiêu chung**

a) Sản xuất sản phẩm từ kim loại: Đến năm 2025 đủ năng lực chế tạo phần lớn thiết bị đồng bộ, kết cấu thép đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành công nghiệp điện, xây dựng các công trình công nghiệp; các thiết bị

đồng bộ, kết cấu thép sản xuất trong nước đạt chất lượng cao và trình độ công nghệ tương đương với trong khu vực với giá thành cạnh tranh.

b) Sản xuất thiết bị điện: Phát triển ngành sản xuất thiết bị điện của tỉnh Đồng Nai bền vững, đầu tư công nghệ và thiết bị hiện đại, giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng để sản xuất các sản phẩm có hiệu suất sử dụng năng lượng cao, thân thiện với môi trường.

c) Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu:

- Máy động lực và máy nông nghiệp: Đến năm 2025 đưa sản xuất máy động lực và máy nông nghiệp thành ngành sản xuất mạnh của Đồng Nai, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, góp phần đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Thiết bị xây dựng: Đến năm 2025 ngành cơ khí trên địa bàn tỉnh có thể sản xuất được một số chủng loại thiết bị xây dựng đạt trình độ tiên tiến khu vực. Từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực. Khai thác tốt lợi thế so sánh, nâng dần giá trị gia tăng cho sản phẩm. Phát triển CNHT cho ngành sản xuất thiết bị xây dựng.

d) Ngành sản xuất phương tiện vận tải: Đến năm 2025 phát triển ngành công nghiệp ô tô - xe máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trở thành một ngành công nghiệp quan trọng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển CNHT cho ngành công nghiệp ô tô nhằm nâng dần tỷ lệ nội địa hóa ô tô từ 10-15% hiện nay lên 40-45% vào năm 2025.

## 2. Mục tiêu cụ thể các ngành cơ khí cấp II:

| Chỉ tiêu                          | 2012   | 2020    | 2025    | Tăng bình quân % |           |           |
|-----------------------------------|--------|---------|---------|------------------|-----------|-----------|
|                                   |        |         |         | 2013-2020        | 2021-2025 | 2013-2025 |
| <b>1. SX sản phẩm từ kim loại</b> |        |         |         |                  |           |           |
| GO theo giá 2010 (tỷ đồng)        | 34.069 | 155.378 | 368.488 | 20,89            | 18,85     | 20,10     |
| Giá trị xuất khẩu (triệu USD)     | 412    | 1.772   | 4.788   | 20,00            | 22,00     | 20,77     |
| <b>2. Sản xuất thiết bị điện</b>  |        |         |         |                  |           |           |
| GO theo giá 2010 (tỷ đồng)        | 24.957 | 109.706 | 255.680 | 20,33            | 18,44     | 19,60     |
| Giá trị xuất khẩu (triệu USD)     | 554    | 2.228   | 5.544   | 19,00            | 20,00     | 19,38     |
| <b>3. Sản xuất MMTB</b>           |        |         |         |                  |           |           |
| GO theo giá 2010 (tỷ đồng)        | 5.737  | 24.252  | 55.157  | 19,75            | 17,86     | 19,02     |
| Giá trị xuất khẩu (triệu USD)     | 69     | 259     | 619     | 18,00            | 19,00     | 18,38     |
| <b>4. SX phương tiện vận tải</b>  |        |         |         |                  |           |           |
| GO theo giá 2010 (tỷ đồng)        | 24.180 | 112.218 | 288.183 | 21,15            | 20,76     | 21,00     |
| Giá trị xuất khẩu (triệu USD)     | 241    | 937     | 2.284   | 18,50            | 19,50     | 18,88     |

## 3. Lựa chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn: Sản xuất cấu kiện kim loại; thùng bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sản xuất nồi hơi; rèn dập, cán, ép kim loại; sản xuất khuôn mẫu; gia công cơ khí; gia công xử lý bề mặt.

- Sản xuất thiết bị điện: Sản xuất mô tơ; biến thế điện; ắc quy; sản xuất dây dẫn và thiết bị dây dẫn; sản xuất dây cáp và sợi cáp quang học; sản xuất đồ điện gia dụng như tủ lạnh, máy lạnh, máy giặt, bếp điện,...

- Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu: Sản xuất máy động lực và máy nông nghiệp.

- Sản xuất xe có động cơ và phương tiện vận tải khác: Sản xuất ô tô, xe máy và các xe chuyên dụng.

#### **4. Định hướng phát triển các ngành cấp II**

##### **4.1 Ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại**

Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị cấu kiện kim loại, sản xuất thùng, bể chứa và nồi hơi với công nghệ tiên tiến. Sản xuất được thiết bị có độ phức tạp cao để thay thế sản phẩm nhập khẩu và từng bước xuất khẩu.

Đầu tư có trọng điểm thiết bị và công nghệ vào các khâu cơ bản, như đúc, rèn, tạo phôi lớn để đồng bộ về thiết bị và công nghệ đáp ứng yêu cầu chế tạo chi tiết, cụm chi tiết lớn, phức tạp. Tận dụng năng lực thiết bị của các doanh nghiệp cơ khí trong cả nước, tăng cường phân công và hợp tác sản xuất sản phẩm thiết bị cơ khí.

##### **4.2 Ngành sản xuất thiết bị điện**

- Đầu tư mới, đầu tư chiều sâu với công nghệ tiên tiến để phát triển sản xuất các sản phẩm đang có thế mạnh, nâng cao năng lực chế tạo, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm của các doanh nghiệp; Khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm thay thế nhập khẩu có hiệu quả kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu ra khu vực và thế giới.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành. Đa dạng hoá phương thức đầu tư trong hợp tác nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ; Liên doanh, liên kết sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm;

##### **4.3 Ngành sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu**

###### **a) Sản xuất máy động lực**

- Đầu tư nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm, chủ động hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực chế tạo máy động lực, máy nông nghiệp có hàm lượng công nghệ cao.

- Đầu tư hiện đại hóa thiết bị và công nghệ, nâng cao năng lực chế tạo, cải tiến mẫu mã, tính năng sản phẩm. Tăng thị phần trong nước về các loại động cơ diesel cỡ trung và cỡ nhỏ, động cơ xăng công suất nhỏ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp.

- Tập trung vào khâu trọng điểm là các chi tiết 5C của động cơ (thân máy, quy lát, trục khuỷu, trục cam, tay biên). Tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, vươn ra thị trường ngoài nước.

### **b) Sản xuất máy nông nghiệp**

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất cơ khí vừa và nhỏ sản xuất các trang thiết bị chế biến lẻ, chế biến sơ nhằm đảm bảo nhu cầu chế biến nông sản tại chỗ và ngành nghề nông thôn, cung cấp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Từng bước xây dựng các cơ sở chế tạo chuyên sâu để tập trung nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của thiết bị chế biến và bảo quản cho mỗi loại sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao mức độ hiện đại cho phần lớn sản phẩm máy nông nghiệp với mẫu mã đa dạng và giá cả phù hợp đủ sức cạnh tranh trong xuất khẩu. Chuẩn bị đủ điều kiện để sản xuất máy có ứng dụng cơ điện tử.

### **c) Sản xuất máy xây dựng**

Đầu tư mới nhà máy sản xuất và lắp ráp máy xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu thị công xây lắp các công trình lớn, xây dựng đô thị và nông thôn.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các dự án đầu tư sản xuất thiết bị xây dựng để sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao và giá thành phù hợp đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và tiến tới xuất khẩu.

## **4.4 Ngành sản xuất phương tiện vận tải**

### **a) Sản xuất ô tô:**

Phát triển ngành công nghiệp ô tô tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 trở thành một ngành công nghiệp quan trọng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và khu vực. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, thu hút đầu tư FDI và phát triển hệ thống doanh nghiệp CNHT trong nước để từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất ô tô của khu vực và thế giới.

Kêu gọi đầu tư và lựa chọn đối tác chiến lược có tiềm năng về công nghệ, tài chính và thương hiệu mạnh, đầu tư nhà máy với quy mô lớn, công nghệ hiện đại để kéo theo các doanh nghiệp CNHT đầu tư sản xuất phụ tùng, linh kiện. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô phục vụ cho lắp ráp trong nước và xuất khẩu.

### **b) Sản xuất xe máy:**

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển xe máy của Công ty VMEP tại Khu công nghiệp Hố Nai. Nâng cao năng lực của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để tự thiết kế được các loại xe thông dụng và một số loại xe cao cấp.

- Thiết kế và sản xuất các loại động cơ, xe máy sử dụng nhiên liệu sạch. Sản xuất được xe máy cao cấp và xe máy chuyên dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu;

- Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các loại linh kiện, phụ tùng xe máy; hợp tác, liên doanh, liên kết để tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong sản xuất linh kiện, phụ tùng và sản xuất lắp ráp xe máy.

- Chủ động đa dạng hoá sản phẩm, sản xuất linh kiện, phụ tùng cho các ngành công nghiệp khác như ô tô, cơ khí tiêu dùng, điện tử,... để phát huy cơ sở vật chất và kỹ thuật đã có trong sản xuất xe máy.

## **V. Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cơ khí**

### **1. Mục tiêu phát triển**

- Đến năm 2015: số lượng doanh nghiệp CNHT tăng bình quân 6%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015; GO theo giá so sánh năm 2010 của CNHT giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 16%/năm.

- Đến năm 2020: số lượng doanh nghiệp CNHT tăng bình quân 6%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020; GO theo giá so sánh năm 2010 của CNHT trợ giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 17%/năm.

- Đến năm 2025: số lượng doanh nghiệp CNHT tăng bình quân 7%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025; GO theo giá so sánh năm 2010 của CNHT giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 18%/năm.

### **2. Lựa chọn sản phẩm chủ lực công nghiệp hỗ trợ cơ khí**

Lựa chọn các sản phẩm chủ lực của các ngành công nghiệp hỗ trợ cho các ngành cơ khí cấp II bao gồm: sản phẩm đúc, rèn, dập, hàn kỹ thuật cao; các loại khuôn kỹ thuật có độ chính xác và độ tin cậy cao (cho sản phẩm cơ khí, nhựa,...); các chi tiết chính xác (vì gia công), các loại vi mạch và chip chuyên dụng,...

### **3. Định hướng phát triển**

- Huy động các thành phần kinh tế sản xuất linh kiện phụ tùng cho lắp ráp các loại sản phẩm cuối cùng: ô tô, xe máy, thiết bị điện, máy động lực và máy nông nghiệp. Tăng cường khả năng liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp để chuyên môn hoá sản xuất các linh kiện, phụ tùng với khối lượng lớn, bảo đảm yêu cầu chất lượng của nhà lắp ráp.

- Khuyến khích doanh nghiệp trong nước hợp tác sản xuất và tiếp nhận chuyển giao công nghệ với các tập đoàn đa quốc gia để sản xuất các sản phẩm CNHT chất lượng cao. Tham gia chủ động, tích cực vào quá trình phân công lao động quốc tế. Tăng cường chuyên môn hoá và hợp tác hoá trên cơ sở phát huy các tiềm năng và lợi thế của các cơ sở sản xuất cơ khí hiện có.

- Đầu tư chiều sâu, đầu tư mới công nghệ trong các khâu đúc, rèn, dập, hàn kỹ thuật cao, khuôn chính xác cao, gia công cơ khí chính xác tại các cơ sở cơ khí hiện có để sản xuất phôi liệu, linh kiện, phụ tùng nhằm chủ động đáp ứng nhu cầu sản phẩm CNHT của ngành cơ khí. Đầu tư nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng lĩnh vực sản xuất, từng bước phát triển năng lực thiết kế, chế tạo linh kiện, cụm linh kiện phức tạp.

- Thu hút mạnh đầu tư nước ngoài vào các ngành CNHT cơ khí theo định hướng ứng dụng công nghệ cao và tạo ra giá trị gia tăng cao, nhất là những khâu đúc phôi kim loại, rèn, dập, hàn kỹ thuật cao, gia công cơ khí chính xác cao, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, sản xuất chi tiết quy chuẩn chất lượng

cao. Hình thành hệ thống doanh nghiệp nội địa có khả năng cung ứng sản phẩm CNHT cho doanh nghiệp lắp ráp trong tỉnh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

## **VII. Tổng hợp vốn đầu tư theo các kỳ quy hoạch (giá thực tế)**

- Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2013-2025 cần khoảng 60.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 2.370 triệu USD), trong đó:

+ Giai đoạn 2013-2020 vốn đầu tư cần khoảng 31.200 tỷ đồng (tương đương khoảng 1.239 triệu USD);

+ Giai đoạn 2021-2025 vốn đầu tư cần khoảng 28.800 tỷ đồng (tương đương 1.131 triệu USD).

- Nhu cầu vốn đầu tư cho công nghiệp hỗ trợ chiếm trên 60% tổng nhu cầu vốn đầu tư của ngành cơ khí giai đoạn 2013-2025.

- Nguồn huy động vốn: bao gồm vốn huy động từ bên trong và từ bên ngoài doanh nghiệp, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn hỗ trợ của nhà nước; và các nguồn vốn khác.

*(Danh mục các dự án đầu tư chủ yếu theo Phụ lục kèm theo Quyết định này).*

## **VII. Giải pháp và chính sách phát triển**

### **1. Giải pháp đầu tư**

- Đẩy mạnh thực hiện đầu tư các dự án trong danh mục quy hoạch, định kỳ rà soát điều chỉnh một số dự án cho phù hợp với thực tiễn.

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, tận dụng tối đa năng lực sản xuất hiện có. Khuyến khích, huy động mọi nguồn vốn đầu tư, trước hết đầu tư vào những lĩnh vực công nghệ tiên tiến và phục vụ xuất khẩu.

- Khuyến khích hợp tác, phân công sản xuất giữa các doanh nghiệp trong ngành để tận dụng các công nghệ và thiết bị đã đầu tư, giảm chi phí đầu tư mới và tránh đầu tư trùng lặp.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ tiêu hao ít nguyên vật liệu, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và giá cả cạnh tranh. Những khâu chen chốt, quyết định chất lượng sản phẩm cơ khí sẽ đầu tư trang thiết bị và công nghệ đạt trình độ tiên tiến thế giới.

- Thu hút mới các dự án đầu tư nước ngoài: Hoàn thiện môi trường đầu tư, hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp. Đổi mới công tác vận động, xúc tiến đầu tư hướng vào các đối tác chiến lược có năng lực mạnh vốn và công nghệ chế tạo.

- Nâng cao tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện đối với các dự án FDI đã đăng ký vốn trong giai đoạn trước. Tạo điều kiện thuận lợi các doanh nghiệp triển khai đầu tư vốn theo kế hoạch. Hỗ trợ các điều kiện về cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc...), đất đai mở rộng sản xuất, xây dựng nhà ở công nhân và các vấn đề đào tạo nguồn nhân lực...

- Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn thực hiện dự án đầu tư cơ khí theo Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế hỗ trợ sau đầu tư đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Chính sách bảo lãnh tín dụng theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế bảo lãnh tín dụng cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## **2. Giải pháp khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường**

- Bên cạnh tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, về phía Tỉnh sẽ có một số chính sách hỗ trợ sau:

- Khuyến khích các doanh nghiệp cơ khí thông qua hình thức liên doanh, liên kết thực hiện chuyển giao công nghệ mới, công nghệ cao. Tăng cường năng lực cung cấp thông tin, tư vấn chuyển giao công nghệ tiên tiến trong ngành cơ khí và các ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhập khẩu kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tiết kiệm chi phí nghiên cứu; cải tiến công nghệ và từng bước làm chủ công nghệ nhập khẩu. Các doanh nghiệp cơ khí sẽ được hỗ trợ về chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng nhà máy cơ khí đi mới thẳng vào sử dụng công nghệ tiên tiến nhằm tạo sản phẩm chất lượng cao để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu cơ khí chế tạo.

- Hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cơ khí, đồng thời tăng cường công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích và thu hút chất xám trong và ngoài nước.

- Khuyến khích các cơ sở đầu tư đổi mới trang thiết bị, áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu chất thải, thực hiện sản xuất sạch hơn. Khuyến khích các dự án đầu tư có ứng dụng công nghệ, thiết bị sản xuất sạch hơn.

- Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó có trang bị công nghệ xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất cơ khí có công đoạn xi mạ. Đối với các KCN không có công nghệ xử lý nước thải xi mạ, các nhà đầu tư phải có cam kết tự xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả thải vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của các KCN.

- Những cơ sở sản xuất công nghiệp phân tán cần phải xây dựng các hệ thống xử lý chất thải theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất trong việc bảo vệ môi trường thông qua bản đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở sản xuất cơ khí vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

## **3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

- Ưu tiên nguồn lực cho đào tạo nguồn nhân lực ngành cơ khí chất lượng cao, có đủ trình độ kỹ thuật công nghệ, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng quản lý hiện đại. Đưa sinh viên đào tạo tại các nước có ngành cơ khí phát triển để học hỏi và áp dụng công nghệ tiên tiến vào các doanh nghiệp trong nước.

- Triển khai chương trình hợp tác đào tạo giữa nhà nước, doanh nghiệp và các trường đào tạo. Đầu tư nâng cấp các trường công nhân kỹ thuật, trường dạy nghề gắn với định hướng thực tiễn, tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa các tổ chức đào tạo và các doanh nghiệp. Tuyển dụng các sinh viên giỏi để đào tạo giảng viên cơ khí ở nước ngoài theo đặt hàng của các trường đào tạo cơ khí.

- Tăng cường đầu tư đào tạo lại đội ngũ chuyên gia, các cán bộ khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường trang bị, bổ sung cập nhật các kiến thức, công nghệ mới, đủ sức tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến, đồng thời có thể sáng tạo ra công nghệ mới, đáp ứng cơ bản nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp cơ khí.

- Đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong lĩnh vực cơ khí. Khuyến khích các trường sử dụng chương trình, giáo trình tiên tiến của các nước có nền công nghiệp cơ khí phát triển và đăng ký kiểm định chương trình đào tạo với các tổ chức kiểm định khu vực và quốc tế.

- Thực hiện cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực cơ khí trình độ cao về làm việc trong ngành cơ khí của tỉnh; hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và các chủ doanh nghiệp ngành cơ khí; xây dựng kế hoạch nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho ngành cơ khí gắn kết bổ sung vào quy hoạch nguồn nhân lực của tỉnh đến năm 2025.

#### **4. Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ cơ khí**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về danh mục các sản phẩm hỗ trợ cần ưu tiên phát triển đến năm 2025 để thu hút đầu tư các loại hình doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế.

- Hình thành các khu, cụm công nghiệp chuyên sâu cơ khí chế tạo nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư phát triển CNHT cơ khí. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia sản xuất sản phẩm CNHT ngành cơ khí. Ngân sách xem xét cân đối ứng vốn để đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chuyên sâu cơ khí, và cho thuê lại đảm bảo phí sử dụng hạ tầng mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực CNHT có thể chấp nhận được.

- Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao tính minh bạch của môi trường sản xuất kinh doanh để phát triển thêm nhiều doanh nghiệp mới theo mục tiêu đã đề ra, cũng như thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp cơ khí và công nghiệp hỗ trợ.

#### **5. Giải pháp về thị trường**

- Tăng cường bảo vệ thị trường trong nước nhằm ngăn chặn không cho hàng hóa kém chất lượng, hàng giả và hàng lậu thâm nhập vào thị trường để

lấn át hàng sản xuất trong nước. Tăng cường các biện pháp kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường và đầu tư phương tiện để kiểm định chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Những sản phẩm nào không có chứng chỉ kiểm định của các trung tâm sẽ không được phép lưu thông trên thị trường.

- Khuyến khích tiêu dùng sản phẩm cơ khí trong nước sản xuất thông qua chính sách cho vay vốn ưu đãi. Hỗ trợ nông dân vay vốn để mua sắm máy nông nghiệp theo hình thức trả chậm, hỗ trợ lãi vay và hỗ trợ giá bán. Người sản xuất được hỗ trợ để đưa sản phẩm đến tận tay người nông dân, hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, tổ chức mạng lưới bảo hành, sửa chữa.

- Tổ chức và hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ và làm cầu nối giữa các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa.

- Nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành nghề trong việc tạo dựng các liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong ngành nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển công nghiệp hỗ trợ và tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thông qua các chương trình xúc tiến thương mại để các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất khẩu, nâng cao hợp tác quốc tế trong tìm kiếm và khai thác thị trường xuất khẩu;

- Hỗ trợ các doanh nghiệp cơ khí nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Đào tạo nguồn nhân lực của doanh nghiệp về nghiên cứu thị trường.

## **6. Giải pháp tăng cường mối liên kết ngành**

- Tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển ngành cơ khí theo định hướng hình thành cụm ngành cơ khí, tạo mối liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm cũng như tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới.

- Kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa trong việc phát triển công nghiệp hỗ trợ thông qua các chương trình giới thiệu nhu cầu phát triển và sử dụng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa.

- Củng cố và nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành nghề làm đầu mối liên kết doanh nghiệp và là đầu mối xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, xây dựng các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.

## **7. Giải pháp quản lý quy hoạch ngành**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và nghiên cứu thực hiện một số cơ chế đặc thù của địa phương nhằm hỗ trợ ngành cơ khí phát triển, cụ thể tập trung một số giải pháp sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, vai trò của cơ quan tham mưu chủ trì và sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở ban ngành và địa phương, thường xuyên trao đổi thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn và đồng

hành cùng các doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế chính sách phát triển ngành cơ khí và cơ chế chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; nghiên cứu, phân tích tác động của chính sách ưu đãi đầu tư đối với sự phát triển của doanh nghiệp ngành cơ khí tại Đồng Nai.

- Xây dựng và thực hiện dự án thiết lập cơ chế phản hồi giữa các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước nhằm điều chỉnh quy hoạch và chính sách phát triển ngành cơ khí cho phù hợp với thực tế. Phát triển các kênh thường xuyên để trao đổi thông tin và quan điểm với cộng đồng doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp công nghiệp cơ khí và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết ngang.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Sau khi quy hoạch được phê duyệt, các Sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

1. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ cơ khí giải pháp về thị trường, quản lý quy hoạch ngành và tăng cường liên kết ngành; Kiểm tra thực hiện quy hoạch và báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh kết quả thực hiện quy hoạch ngành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp chủ trì phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện giải pháp về đầu tư và xúc tiến thu hút các nguồn vốn để phát triển ngành công nghiệp cơ khí.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện giải pháp nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành cơ khí; đào tạo phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngành cơ khí.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện giải pháp bảo vệ môi trường, tổ chức kiểm tra, kiểm soát môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở ngành tổ chức thực hiện giải pháp đào tạo nguồn nhân lực cơ khí đáp ứng nguồn nhân cơ khí trong từng thời kỳ.

6. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở ngành cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm nhằm thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với phát triển ngành công nghiệp cơ khí.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp với các ngành liên quan xây dựng các cụm công nghiệp và thu hút đầu tư các dự án đầu tư ngành cơ khí vào các cụm công nghiệp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các KCN, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN (Sơn).

12-26 QH cơ khí

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**\* Phan Thị Mỹ Thanh**



## PHỤ LỤC

### Danh mục các chương trình, dự án chủ yếu ưu tiên xây dựng

(Kèm theo Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai)

## I. CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN XÂY DỰNG

Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020

## II. CÁC DỰ ÁN CHỦ YẾU ƯU TIÊN XÂY DỰNG

### 1. Dự án đầu tư chủ yếu ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại

| Dự án                                   | Chủ đầu tư                  | Công suất TK     | Trình độ công nghệ | Vốn đầu tư (USD)  | Năm đầu tư |
|-----------------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------|-------------------|------------|
| Đầu tư mở rộng 2 nhà máy kết cấu thép   | Công ty Lilama 45.1 và 45.4 | 30.000 tấn/năm   | Tiên tiến          | 15.000.000        | 2016-2020  |
| Nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép | LILAMA                      | Thiết bị nâng hạ | Bán tự động        | 5.000.000         | 2020       |
| Nhà máy kết cấu thép nhỏ                | Doanh nghiệp trong nước     | 5.000 tấn/năm    | Tiên tiến          | 2.500.000         | 2015-2018  |
| Đầu tư mới nhà máy kết cấu thép         | Doanh nghiệp trong nước     | 40.000 tấn/năm   | Tiên tiến          | 15.000.000        | 2017-2022  |
| <b>Tổng cộng:</b>                       |                             |                  |                    | <b>37.500.000</b> |            |

### 2. Dự án đầu tư chủ yếu ngành sản xuất thiết bị điện

| Dự án                                                                | Chủ đầu tư    | Công suất thiết kế | Trình độ công nghệ | Vốn đầu tư (USD)   | Năm đầu tư |
|----------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------|
| Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất cáp điện                             | Công ty TAYA  |                    | Tiên tiến          | 12.000.000         | 2016-2020  |
| Nhà máy sản xuất cáp điện đặc biệt                                   | FDI           |                    | Tiên tiến          | 17.000.000         | 2016-2020  |
| Đầu tư chiều sâu sản xuất cáp điện                                   | C.ty CADIVI   |                    | Tiên tiến          | 2.400.000          | 2016-2020  |
| Đầu tư chiều sâu sản xuất biến thế trung gian 35KV, thiết bị cao thế | C.ty THIBIDI  |                    | Tiên tiến          | 6.500.000          | 2016-2020  |
| Nhà máy sản xuất công tơ điện 1 pha                                  | DN trong nước | Dụng cụ đo điện    | Tiên tiến          | 7.200.000          | 2016-2020  |
| Thu hút các dự án đầu tư sản xuất thiết bị điện                      | FDI           |                    | Tiên tiến          | 300.000.000        | 2016-2025  |
| <b>Tổng cộng:</b>                                                    |               |                    |                    | <b>345.100.000</b> |            |

### 3. Dự án đầu tư chủ yếu ngành sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đầu

| Dự án                                                                    | Chủ đầu tư             | Công suất thiết kế   | Trình độ công nghệ | Vốn đầu tư (USD) | Năm đầu tư |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|------------------|------------|
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực dây chuyền gia công thân máy các loại | Công ty Vikyno&Vinapro | 100.000 thân máy/năm | Tự động hóa cao    | 6.000.000        | 2015-2018  |
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực dây chuyền gia                        | Công ty Vikyno&Vinapro | 1.000.000 bánh       | Tự động và bán tự  | 5.500.000        | 2013-2017  |

|                                                                            |                         |                      |             |                   |           |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|-------------|-------------------|-----------|
| công bánh răng (bao gồm xử lý nhiệt)                                       |                         | răng/năm             | động        |                   |           |
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực dây chuyền gia công tinh trục khuỷu     | Công ty Vikyno&Vinappro | 150.000 cái/năm      | Bán tự động | 2.500.000         | 2015-2018 |
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực dây chuyền gia công nắp xy lanh         | Công ty Vikyno&Vinappro | 150.000 cái/năm      | Tự động     | 1.200.000         | 2014-2018 |
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất dây chuyền lắp ráp             | Công ty Vikyno&Vinappro | 150.000 động cơ/năm  | Bán tự động | 400.000           | 2020      |
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất xưởng cao su                   | Công ty Vikyno&Vinappro | 500.000 cặp rulo/năm | Bán tự động | 800.000           | 2018      |
| Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực dây chuyền gia công thân hộp số máy cày | Công ty Vikyno&Vinappro | 10.000 hộp số/năm    | Bán tự động | 1.000.000         | 2016      |
| Nhà máy sản xuất và lắp ráp xe đào xúc                                     |                         | 730 xe/năm           | Bán tự động | 31.000.000        | 2018      |
| Nâng cao năng lực sản xuất máy công tác bê tông                            | Hitechco                | Trạm SX bê tông      | Bán tự động | 2.500.000         | 2020      |
| <b>Tổng cộng</b>                                                           |                         |                      |             | <b>50.900.000</b> |           |

#### 4. Dự án đầu tư chủ yếu ngành SX phương tiện vận tải

| Dự án                                               | Chủ đầu tư                     | Công suất thiết kế                | Trình độ công nghệ | Vốn đầu tư (USD)   | Năm đầu tư  |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------|-------------|
| Đầu tư chiều sâu các nhà máy lắp ráp ô tô và xe máy | FDI và doanh nghiệp trong nước | SX 100.000 ô tô và 300.000 xe máy | Tiến tiến          | 100.000.000        | 2016 - 2025 |
| <b>Tổng cộng:</b>                                   |                                |                                   |                    | <b>100.000.000</b> |             |

#### 5. Dự án đầu tư chủ yếu ngành công nghiệp hỗ trợ cơ khí

| Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                | Sản phẩm chủ lực                                                                                                      | Chủ đầu tư                    | Trình độ CN | Vốn đầu tư (USD)     | Năm đầu tư  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------|----------------------|-------------|
| Các sản phẩm, phụ tùng, chi tiết thuộc các ngành CNHT: đúc, rèn, dập, hàn kỹ thuật cao; các loại khuôn có độ chính xác cao (cho sản phẩm cơ khí, nhựa,...); các chi tiết chính xác (vi gia công), các loại vi mạch và chip chuyên dụng,... | MMTB công nghiệp và xây dựng; thiết bị điện; máy động lực và máy nông nghiệp; SX phương tiện vận tải (ô tô và xe máy) | Doanh nghiệp FDI & trong nước | Tiến tiến   | 1.500.000.000        | 2015 - 2025 |
| <b>Tổng cộng (300 dự án):</b>                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                       |                               |             | <b>1.500.000.000</b> |             |